

# TÂM LÝ CHỜ ĐỢI CÒN KÉO DÀI?

## GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

### TTCK thế giới

Chứng khoán thế giới tuần vừa qua biến động mạnh sau những cuộc “giải cứu” ngành ngân hàng, tâm lý nhà đầu tư giảm về vùng sợ hãi trong chỉ số Fear & Greed (chỉ số tham lam sợ hãi) sau khi hàng trăm tỷ đô la viện trợ, cổ phiếu ngân hàng vẫn bị bán tháo. Giữa những bất ổn xảy ra trong hệ thống ngân hàng Mỹ những ngày qua, mọi ánh nhìn đều đổ dồn về Fed vào 2 phiên họp (21-22/3) tuần tới.

### TTCK trong nước

Thị trường trong nước tiếp tục trạng thái đi ngang dù có thêm “cú huých” từ quyết định giảm một số mức lãi suất điều hành của Ngân hàng nhà nước, trước đó hàng loạt các biện pháp hỗ trợ thị trường trong thời gian gần đây như nghị định 08, Nghị quyết số 33, thành lập Ban chỉ đạo cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, ...

Cho tuần tới: Nhìn chung, cơ hội để thị trường có thể dứt điểm trạng thái dao động đi ngang kéo dài vẫn chưa đến, dòng tiền có xu hướng chờ đợi các biến cố/nút thắt được tháo gỡ mới quay thị trường, lúc đó các biện pháp hỗ trợ trước đó sẽ được hấp thụ.

### Cổ phiếu tiêu biểu: KSB

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với **KSB** với mức giá mục tiêu **35,400 VND/cp**.

### Cơ hội đầu tư ngắn hạn

Tuần này chúng tôi khuyến nghị một số cổ phiếu đã giảm sâu hoặc có thông tin hỗ trợ. Nhà đầu tư có thể tham khảo vùng mua đối với các mã trong danh mục.

Cổ phiếu	Vùng mua	Giá mục tiêu	Stoploss
PVD	18.7 - 19.2	22.7	17.5
POW	12.4 - 12.7	14.5	11.8

### Cơ hội đầu tư dài hạn

Chiến lược đầu tư – Lợi thế cạnh tranh

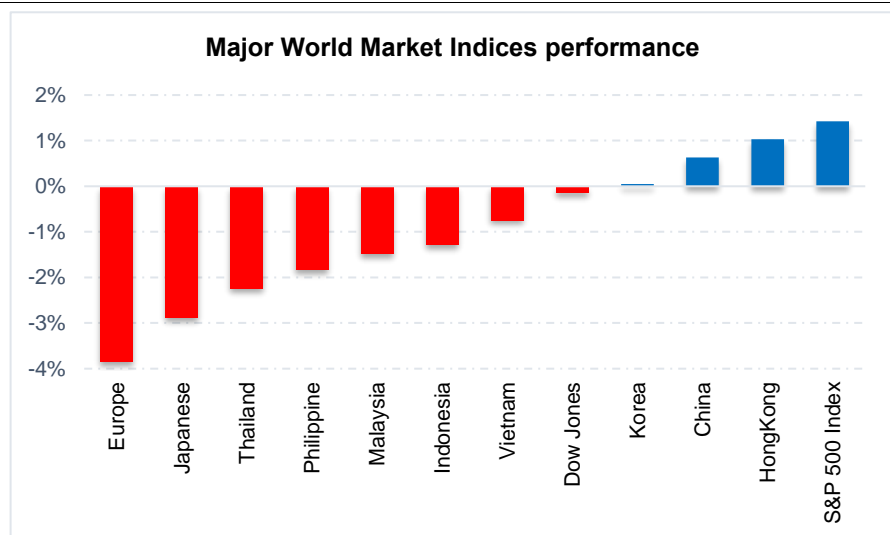
Chiến lược đầu tư – Hang tránh bão

Chiến lược đầu tư – BIS (Tài chính)

Chiến lược đầu tư – BSS (Ngân hàng, chứng khoán, thép)

## XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

Indexes	Last	Weekly	YTD	P/E	P/B
S&P 500 Index	3.916,64	1,43%	2,01%	19,0	3,9
Dow Jones	31.861,98	-0,15%	-3,88%	19,2	4,3
Europe SXXP	436,31	-3,85%	2,69%	13,5	1,8
Nikkei 225	27.333,79	-2,88%	4,75%	22,2	1,7
CN-Shanghai	3.250,55	0,63%	5,22%	14,1	1,4
Korea-Kospi	2.395,69	0,05%	7,12%	11,8	0,9
HongKong	19.518,59	1,03%	-1,33%	11,4	1,1
VN-Index	1.045,14	-0,75%	3,78%	13,6	1,7
Malaysia	1.411,73	-1,49%	-5,60%	14,2	1,3
SET Index	1.563,67	-2,25%	-6,29%	18,9	1,6
Indonesia	6.678,24	-1,29%	-2,52%	14,5	1,9
Phillippines	6.469,72	-1,82%	-1,47%	13,4	1,6
WTI	66,92	-12,73%	-16,62%		
Gold	1.997,89	6,94%	9,53%		



Nguồn: Bloomberg, dữ liệu đến ngày 17/03/2023

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chứng khoán thế giới tuần vừa qua biến động mạnh sau những cuộc “giải cứu” ngành ngân hàng, tâm lý nhà đầu tư giảm về vùng sợ hãi trong chỉ số Fear & Greed (chỉ số tham lam sợ hãi) sau khi hàng trăm tỷ đô la viện trợ, cổ phiếu ngân hàng vẫn bị bán tháo. Giữa những bất ổn xảy ra trong hệ thống ngân hàng Mỹ những ngày qua, mọi ánh nhìn đều đổ dồn về Fed vào 2 phiên họp (21-22/3) tuần tới.

Cổ phiếu ngân hàng là tâm điểm chú ý của nhà đầu tư ở Phố Wall trong những ngày gần đây, khi thị trường bị phủ bóng bởi nỗi lo sợ rằng sẽ có những nhà băng tiếp theo chịu chung số phận như Silvergate Bank, Silicon Valley Bank (SVB) và Signature Bank – ba ngân hàng đổ vỡ trong tuần trước.

Cổ phiếu First Republic “bốc hơi” 33%, chốt tuần với mức giảm gần 72%. Phiên giảm này đảo ngược sự phục hồi trong phiên ngày thứ Năm, khi một nhóm 11 nhà băng tuyên bố sẽ giúp First Republic bằng cách gửi 30 tỷ USD vào ngân hàng này để bày tỏ tin tưởng vào hệ thống.

Cổ phiếu Credit Suisse niêm yết ở Mỹ giảm gần 7% khi giới đầu tư nghi ngờ tuyên bố của ngân hàng này về việc sẽ vay tới 50 tỷ Franc Thụy Sĩ, tương đương gần 54 tỷ USD, từ Ngân hàng Trung ương Thụy Sĩ (SNB). Tuần này, cổ phiếu Credit Suisse giảm 24%.

Về phần mình, Fed đã cho các ngân hàng vay 165 tỷ USD trong tuần từ ngày 9/3 tới 15/3 thông qua kênh chiết khấu và chương trình cho vay khẩn cấp mới được tạo ra sau sự sụp đổ của SVB.

Cuộc khủng hoảng ngân hàng diễn ra vào đúng thời điểm nhà đầu tư chờ cuộc họp chính sách tiền tệ vào tuần tới của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Câu hỏi đặt ra về cuộc họp này là liệu Fed có tiến hành tăng lãi suất với bước nhảy 25 điểm cơ bản hay không, giữa lúc ngành ngân hàng Mỹ lâm khủng hoảng.

**Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) hiện đang rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, rằng liệu họ có nên tiếp tục chiến dịch tăng lãi suất hay không. Trong khi đó, hàng loạt ngân hàng gần đây đã sụp đổ và dữ liệu lạm phát mạnh vừa được công bố.**

Hiện thị trường đang định giá xác suất 62% Fed sẽ tăng lãi suất 25 điểm cơ bản (0,25%) và xác suất 38% Fed sẽ không tăng lãi suất trong kỳ họp ở tuần tới.

Tác động từ cổ phiếu ngân hàng cùng động thái tăng lãi suất của ECB từ 2,5% lên 3% trong tuần vừa qua khiến chỉ số chứng khoán khu vực Châu Âu (STOXX Europe 600) giảm mạnh 3,85%. ECB dự báo lạm phát ở Eurozone năm nay là 5,3%, giảm từ mức dự báo 6,3% đưa ra hồi tháng 12. Mức dự báo của năm tới giảm còn 2,9% từ 3,4%. ECB cho rằng đến năm 2025, lạm phát ở khu vực này là 2,1%, vẫn cao hơn so với mục tiêu 2%.

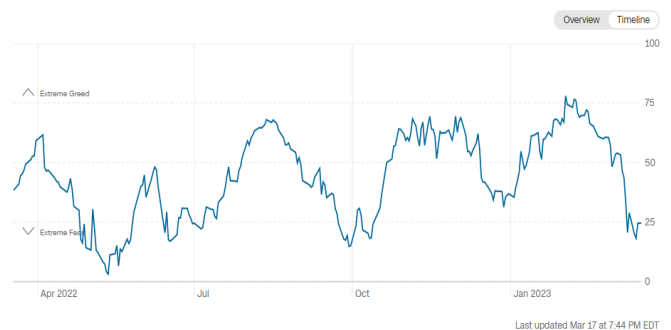
Ngược dòng xu hướng đáng chú ý trong tuần vừa qua là chứng khoán Trung Quốc, chỉ số Shanghai và Hang seng tăng lần lượt 0,63% và 1,03% sau khi **Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc để kích thích kinh tế** khi nước này dần dần hồi phục sau những hạn chế thời dịch bệnh.

Ở thị trường chứng khoán Mỹ, dù giảm mạnh phiên cuối tuần, S&P 500 - thước đo rộng nhất của chứng khoán Mỹ - vẫn tăng 1,43% trong tuần vừa qua, tuy nhiên Dow Jones vẫn mất 0,15% điểm số. Chỉ số sợ hãi và tham lam (Fear & Greed Index) cho thấy tâm lý tâm lý nhà đầu tư tuần vừa qua đã về mức thấp nhất kể từ tháng 10 năm ngoái, thời điểm mà thị trường tạo đáy.



## Fear & Greed Index

What emotion is driving the market now?  
[Learn more about the index](#)



## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

**Diễn biến:** Thị trường trong nước tiếp tục trạng thái đi ngang dù có thêm “cú huých” từ quyết định giảm một số mức lãi suất điều hành của Ngân hàng nhà nước, trước đó hàng loạt các biện pháp hỗ trợ thị trường trong thời gian gần đây như nghị định 08, Nghị quyết số 33, thành lập Ban chỉ đạo cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, ... Chốt tuần, chỉ số Vn-Index giảm nhẹ 7,86 điểm, tương đương sụt 0,75% còn 1.045,14 điểm.

Dù chỉ có một phiên tăng duy nhất vào giữa tuần nhưng một số nhóm cổ phiếu vẫn giữ được thành quả như: chứng khoán (VND:+3,45%, VCI:+5,75%, SSI: +2,53%, MBS: + 1,48%, CTS: 3,36%, ... ), bất động sản (DXG:+4%, PDR: +3,83%, KDH: +0,94%, ...), Vingroup (VRE: + 5,36%, VHM: +1,17%, VIC: +0,19%, ...), Sản xuất điện (POW: +3,47%, DRL: +2,61%, VSH: +0,78%, ...), ... Ở chiều ngược lại, việc giá dầu có tuần giảm mạnh nhất trong nhiều tháng (Dầu Brent ghi nhận tuần giảm mạnh nhất kể từ tháng 12/2022, sụt hơn 10%; Dầu WTI lao dốc hơn 11%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất kể từ tháng 4/2022) đã gây áp lực lên nhóm cổ phiếu dầu khí (PVD: - 5,02%, PVS: - 3,79%, BSR: - 3,66%, PLX: - 7,21%, GAS: - 3,08%, ...), ngoài nhóm cổ phiếu dầu khí, nhóm cổ phiếu thép cũng giảm mạnh (HPG: - 4,23%, NKG: - 5,99%, SMC: - 6,47%, ...), ...

Thanh khoản toàn thị trường tăng 18,2% lên mức 11.700 tỷ đồng/phiên, trong đó thanh khoản khớp lệnh tăng 13,6% đạt 9.987 tỷ đồng/phiên. Tháng 3 đang có mức thanh khoản 10.270 tỷ đồng/phiên, thấp hơn 15,2% so với tháng 1 và cũng thấp hơn 11,8% so với tháng 2. Bình quân từ đầu năm đến nay, thanh khoản thị trường đạt 11.345 tỷ đồng/phiên, giảm 44,8% với mức bình quân của năm ngoái.

Khối ngoại tuần vừa qua mua ròng sang tuần thứ 2 liên tiếp, đây cũng là tuần các quỹ ETF tái cơ cấu với lượng mua nhiều hơn bán. Tổng cộng, khối ngoại đã mua ròng 2.300 tỷ đồng trong tuần vừa qua, trong đó dòng tiền qua các kênh ETF đạt 7,76 triệu USD (181 tỷ đồng), lũy kế từ đầu năm khối ngoại mua ròng 6.700 tỷ đồng.

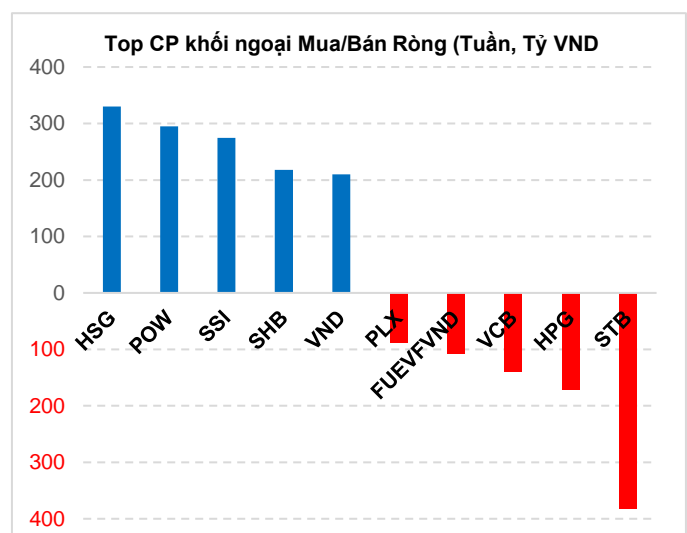
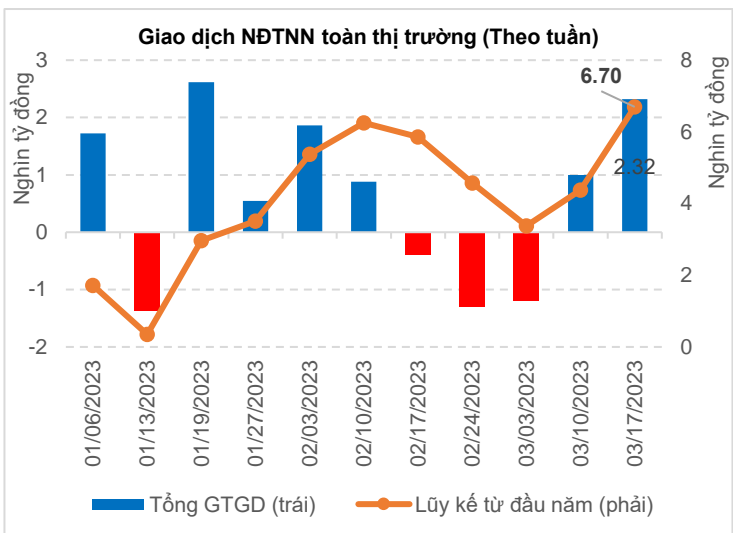
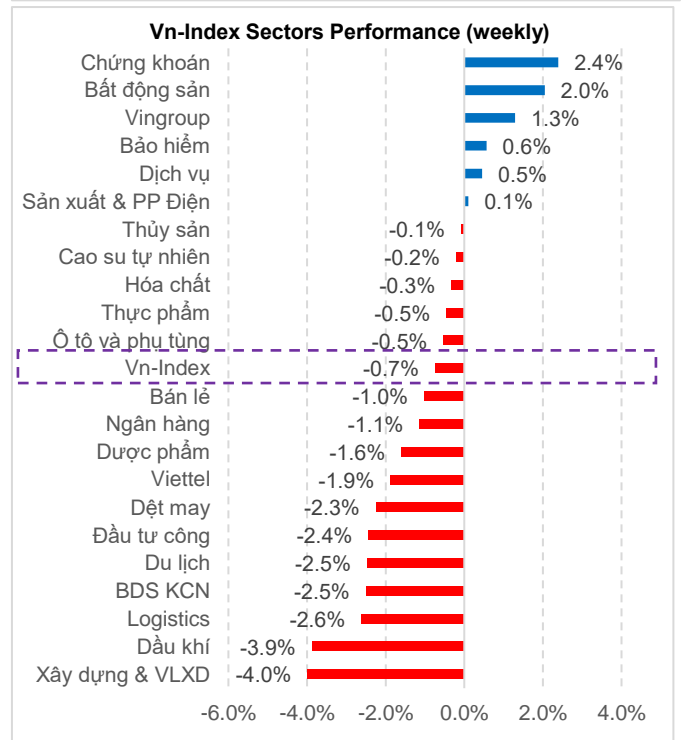
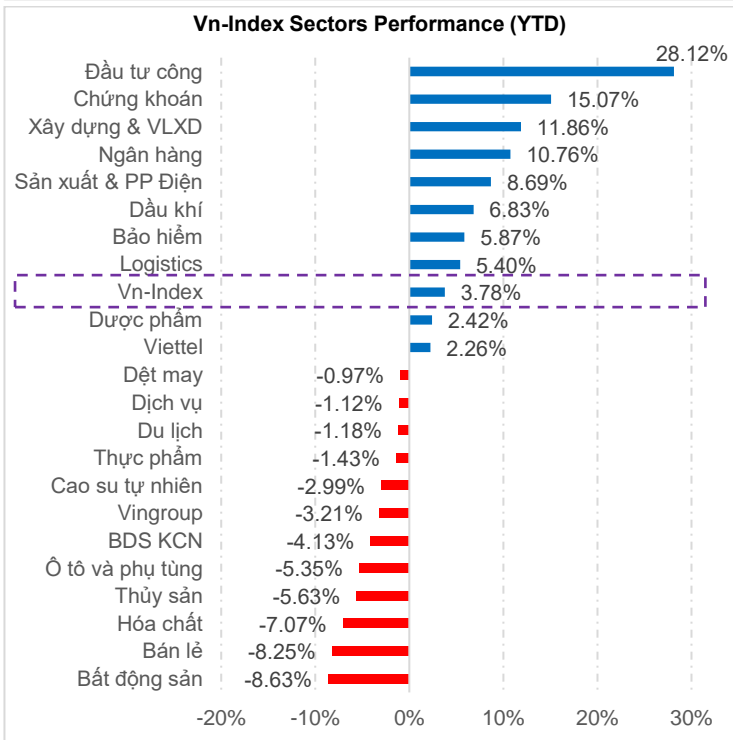
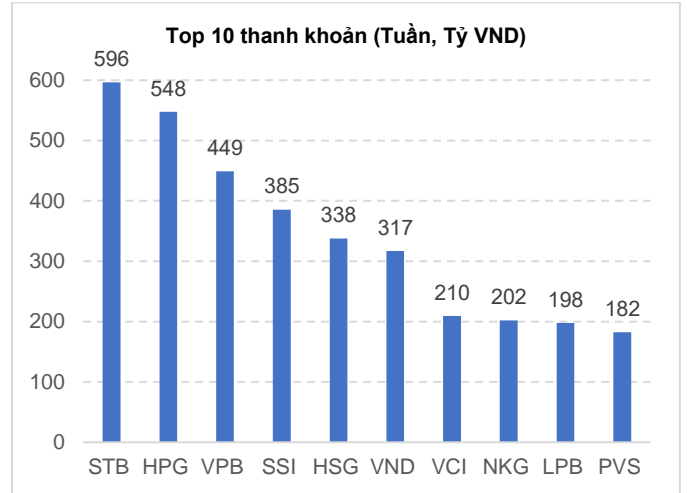
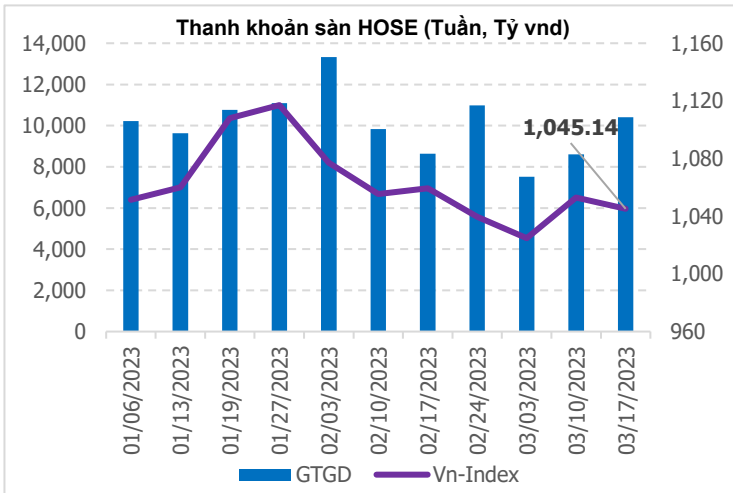
**Cho tuần tới:** Tâm điểm là cuộc họp vào ngày 21-22/3 của Fed bên cạnh mối lo về sức khỏe ngành ngân hàng Mỹ, khả năng thị trường thế giới sẽ có sự biến động. Thị trường đã không có nhiều chuyển biến dù có thêm chất xúc tác từ NHNN cũng như nhiều biện pháp hỗ trợ gần đây của Chính phủ, bên cạnh đó là lực kéo từ khối ngoại với tuần mua ròng mạnh thứ 2 kể từ đầu năm. Chúng tôi cho rằng, trong bối cảnh chứng khoán thế giới còn nhiều biến động, việc thị trường trong nước vẫn duy trì trạng thái đi ngang cũng là diễn biến tích cực. Thanh khoản thị trường nhiều khả năng sẽ giảm sau tuần các quỹ ETF tái cơ cấu, dòng tiền nội đang cho thấy sự suy yếu hoặc đang thận trọng khi áp lực từ bên ngoài ngày càng lớn. Nhìn chung, cơ hội để thị trường có thể dứt điểm trạng thái dao động đi ngang kéo dài vẫn chưa đến, dòng tiền có xu hướng chờ đợi các biến cố/nút thắt được tháo gỡ mới quay thị trường, lúc đó các thông tin tích cực trước đó sẽ được hấp thụ. Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index đang bị kẹp giữa 2 đường trung bình MA50 và MA100 trong vùng 1.033 – 1.058 điểm, bên cạnh đó chỉ số này vẫn nằm trong kênh giảm giá kể từ đầu tháng 2 với vùng hỗ trợ ở ngưỡng 995 điểm. Trong kịch bản, thị trường không chịu tác động từ thông tin bên ngoài, khả năng chỉ số Vn-index sẽ tiếp tục đi ngang trong vùng 1.030 – 1.068 điểm. Trong kịch bản tích cực nhất như Fed giữ nguyên lãi suất hoặc dòng tiền ngoại tiếp tục giải ngân, thị trường cũng cần vượt ngưỡng 1.068 điểm để có cơ hội quay lại mức đỉnh cuối tháng 1.

Dự báo kịch bản thị trường tuần 20/03/2023 – 24/03/2023

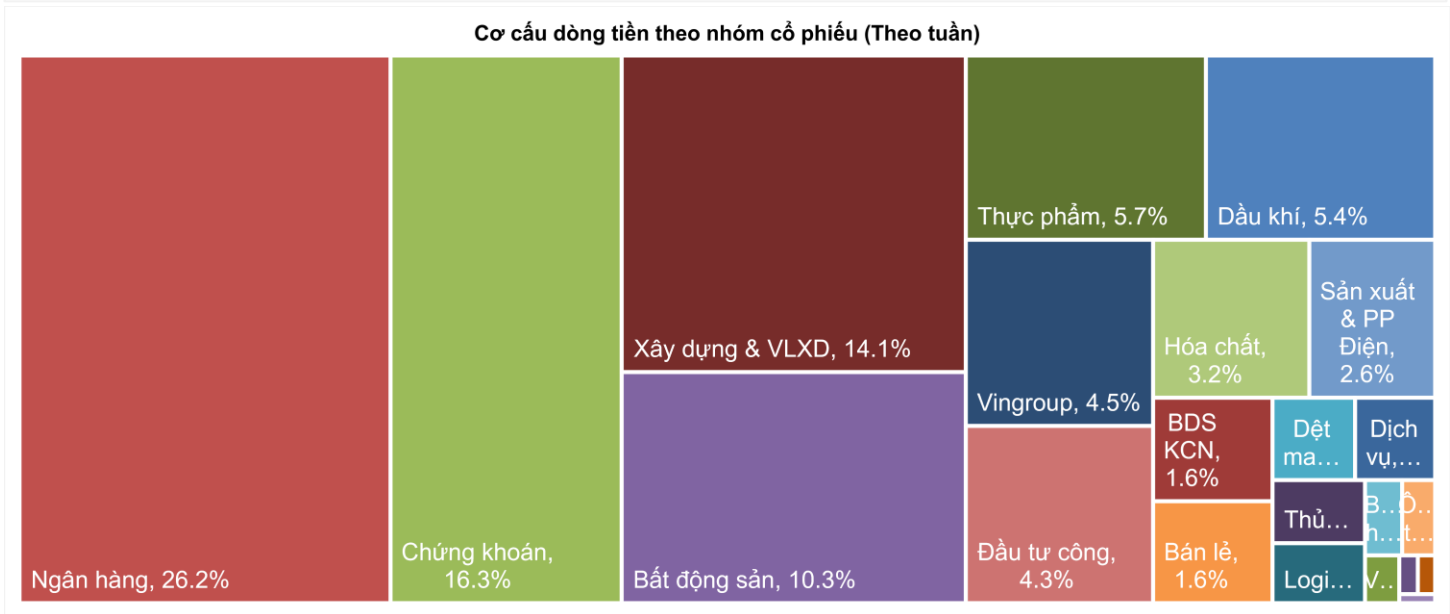
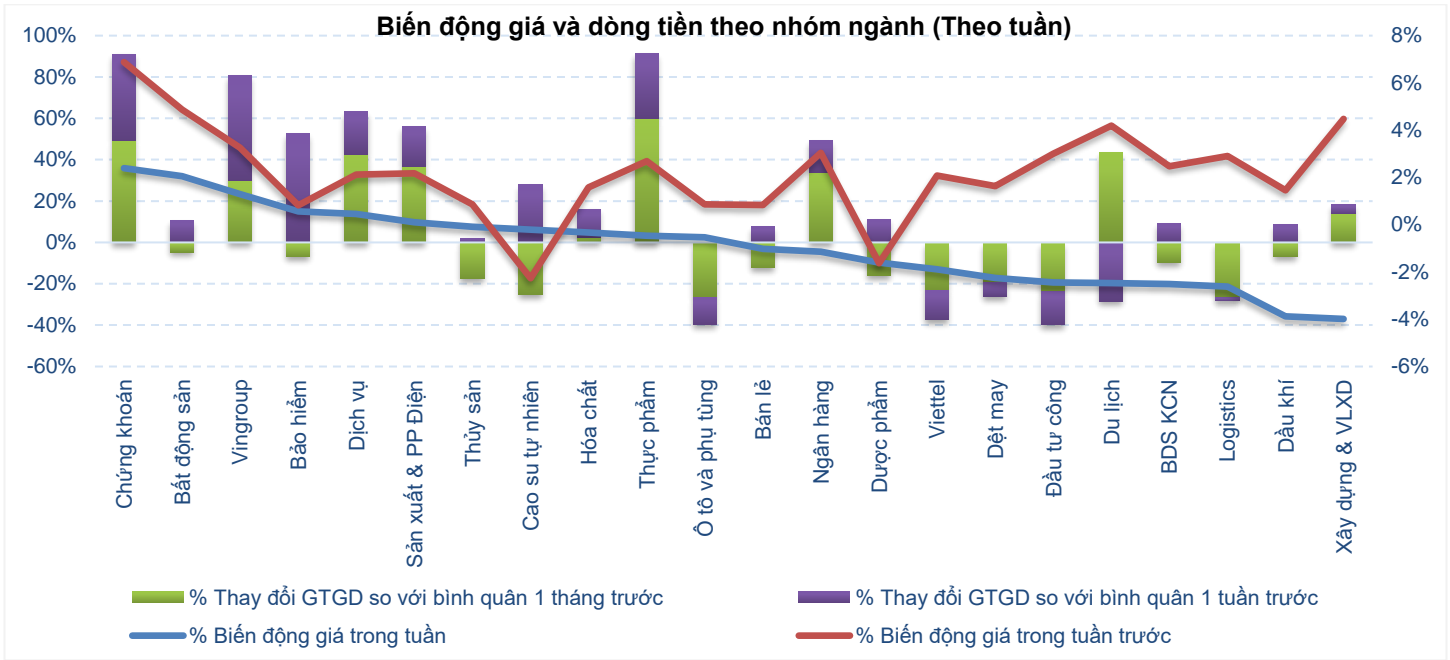
	Tích cực	Cơ bản	Thận trọng
<b>Xác suất</b>	20%	70%	10%
<b>VN-Index (Điểm)</b>	1.065 – 1.078	1.030 – 1.068	1.000 – 1.030
<b>P/E thị trường (lần)</b>	11,8 - 12	11,4 – 11,9	11,1 – 11,4



# Chiến lược giao dịch tuần



# Chiến lược giao dịch tuần



## Dòng vốn đầu tư quốc tế

Foreign Portfolio Investment							
Equity Currency: USD							
No	Country	Daily	Weekly	MTD	QTD	YTD	12M
		Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	Mln
Asia							
China	12/31/2022			22,974.56	26,830.53	-160,699.51	-160,699.51
India	3/15/2023	-151.12	-52.02	1,938.74	-2,359.73	-2,359.73	-4,574.95
Indonesia	3/16/2023	-47.56	-47.85	1.18	174.44	174.44	2,731.41
Malaysia	3/16/2023	-22.20	-99.70	-261.30	-383.20	-383.20	-615.20
Philippines	3/17/2023	0.27	-496.94	-552.56	-572.50	-572.50	-1,758.27
Thailand	3/16/2023	-52.52	-224.99	-648.30	-1,376.74	-1,376.74	1,611.95
Vietnam	3/16/2023	27.21	72.05	87.33	179.19	179.19	1,563.59
Taiwan	3/17/2023	414.23	-928.59	-2,927.51	5,420.33	5,420.33	-20,625.50
S.Korea	3/17/2023	179.00	-447.41	-865.09	5,293.35	5,293.35	2,461.52
Japan	3/3/2023		-4,382.13	-4,382.10	-2,977.34	-2,977.30	9,581.66
Sri Lanka	3/16/2023	0.00	1.20	1.20	10.12	10.10	101.86

Nguồn: Bloomberg

## Dòng vốn ETF

EM > Vietnam: 21 matching funds, 22 matching tickers					
Summary	Assets	Cost	Performance	Flow	Liquidity
Name			1D Flow (M USD)	1w Flow (M USD)	1M Flow (M USD)
			1D Flow (M USD)	1w Flow (M USD)	1M Flow (M USD)
1) Fubon FTSE Vietnam ETF			+5.07	+12.94	+12.94
2) Xtrackers FTSE Vietnam S...			.00	+52	+9.27
3) Global X MSCI Vietnam ETF			+45	+45	+45
4) KIM KINDEX Vietnam VN30 ...			.00	.00	+6.17
5) Premia MSCI Vietnam ETF			.00	.00	.00
6) CSOP FTSE Vietnam 30 ETF			.00	.00	+2.3
7) KIM KINDEX Vietnam VN30 ...			.00	.00	+63
8) Korea Investment & Secur...			.00	.00	.00
9) Korea Investment & Secur...			.00	.00	.00
10) Korea Investment & Secur...			.00	.00	.00
11) Korea Investment & Secur...			.00	.00	.00
12) Premia MSCI Vietnam ETF			.00	.00	.00
13) Asian Growth CUBS ETF			.00	.00	.00
14) IPAAM VN100 ETF			.00	.00	.00
15) SSIAM VN30 ETF			.00	.00	.00
16) SSIAM VND50 ETF			.00	.00	.00
17) VinaCapital VN100 ETF			.00	.00	.00
18) VanEck Vietnam ETF			.00	.00	+5.15
19) KIM Growth VN30 ETF			.00	-88	-4.92
20) SSIAM VNFIN LEAD ETF			.00	-1.23	-2.69
21) DCFMVN30 ETF Fund			.00	-2.18	-7.65
22) DCFMVN Diamond ETF			.00	-2.74	-9.73

Nguồn: Bloomberg

## CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU – KSB

	Đơn vị	FY22A	FY23F	FY24F	FY25F	FY26F	FY27F
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>859</b>	<b>1,129</b>	<b>1,523</b>	<b>1,300</b>	<b>1,291</b>	<b>1,320</b>
Tăng trưởng	%	-2.8%	31.5%	34.8%	-14.6%	-0.7%	2.2%
<b>EBIT</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>320</b>	<b>397</b>	<b>555</b>	<b>519</b>	<b>531</b>	<b>566</b>
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>152</b>	<b>191</b>	<b>308</b>	<b>287</b>	<b>331</b>	<b>366</b>
Tăng trưởng	%	-39.7%	25.3%	61.2%	-6.6%	15.0%	10.7%
<b>EPS cơ bản</b>	<b>VND</b>	<b>2,037</b>	<b>2,501</b>	<b>3,953</b>	<b>3,622</b>	<b>4,085</b>	<b>4,433</b>
Tăng trưởng EPS	%	-43.6%	22.8%	58.0%	-8.4%	12.8%	8.5%
P/E	lần	12.3x	10.1x	6.4x	6.9x	6.2x	5.7x
EV/EBITDA	lần	-0.3x	0.2x	0.2x	0.1x	0.1x	0.1x
Cổ tức	VND	-	-	500	500	500	500
Tỷ suất cổ tức	%	0.0%	0.0%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%
<b>BVPS</b>	<b>VND</b>	<b>25,331</b>	<b>27,399</b>	<b>30,666</b>	<b>33,302</b>	<b>36,824</b>	<b>40,295</b>
P/B	lần	1.0x	0.9x	0.8x	0.8x	0.7x	0.6x
ROE	%	8.2%	9.4%	13.8%	11.7%	12.3%	12.4%
Nợ ròng/VCSH	%	50.7%	39.4%	57.1%	39.0%	32.6%	31.3%

Nguồn: KSB, MBS Research

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với **KSB** với mức giá mục tiêu **35,400 VND/cp** với những luận điểm chính như sau:

#### Luận điểm đầu tư

**Hưởng lợi từ chính sách thúc đẩy đầu tư công.** Theo nghị quyết 29/2021/QH-2015, tổng vốn đầu tư xã hội phân bổ cho giai đoạn 2021-2025 đạt 2.3 triệu tỷ đồng, trong đó hơn 55% phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng giao thông. Điều này giúp các doanh nghiệp cung cấp VLXD hưởng lợi đáng kể. Đặc biệt, KSB hiện đang sở hữu nhiều mỏ đá tại Bình Dương và Đồng Nai, địa phận mà các công trình trọng điểm đi qua như Cao tốc Bắc Nam phía Đông hay sân bay Long Thành. Hơn nữa, với vị trí các mỏ đá thuận lợi, KSB có nhiều lợi thế về chi phí vận chuyển trong việc đầu thầu các dự án thành phần cũng như các dự án kết nối với những công trình trọng điểm này

**Vị thế hàng đầu ngành trong sản xuất và kinh doanh VLXD.** Với trữ lượng các mỏ đá đang còn có thể khai thác vào khoảng 49 triệu m<sup>3</sup> cùng với công suất sản xuất hơn 5.5 triệu m<sup>3</sup>/năm. Hiện tại, công suất khai thác của KSB gần như đã đạt 100% do đó cũng giúp KSB có được lợi thế trong việc tận dụng tối đa các mỏ đá. Vị trí gần giúp KSB giảm được chi phí từ đó gia tăng biên lợi nhuận và tính cạnh tranh với các nhà cung cấp khác.

**KCN Đất Cuộc đóng góp đáng kể vào doanh thu sau năm 2022.** Kể từ năm 2018, BDS KCN đóng góp bình quân 39.1% trong tổng doanh thu và 56.8% lợi nhuận gộp hàng năm của KSB. Hiện tỷ lệ lấp đầy tại KCN Đất Cuộc là 38%, thấp hơn rất nhiều so với các KCN có cùng quy mô trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bình Dương là một trong những địa phương có tỷ lệ lấp đầy KCN cao nhất cả nước với 77%, trong đó phần lớn các KCN lớn có tỷ lệ lấp đầy 100% như VSIP hay Sóng Thần, ... Do đó, chúng tôi kỳ vọng KCN Đất Cuộc còn rất nhiều dư địa tăng trưởng và tiếp tục đóng góp vào doanh thu của KSB trong tương lai

#### Rủi ro đầu tư

**Khoản uỷ thác đầu tư lớn chưa mang lại hiệu quả sinh lời tương xứng.** Một trong những khoản đáng kể trên Bảng CĐKT của KSB liên quan đến khoản uỷ thác đầu tư trị giá 1,242 tỷ đồng tại 31/12/2022 (chiếm 29.3% TTS). Mặc dù quy mô khoản uỷ thác đầu tư là khá lớn nhưng đóng góp vào trong tổng thu nhập của KSB chưa thực sự hiệu quả khi doanh thu tài chính hàng năm mang lại từ khoản đầu tư chỉ bình quân đạt 35 tỷ đồng (tương đương hiệu quả sinh lời 2.92%, thấp hơn rất nhiều so với mức ROE và ROA lần lượt đạt 18.2% và 7.0% trong giai đoạn 2018-2022)

**Giá đất đền bù tăng cao khiến việc giải phóng mặt bằng của KCN Đất Cuộc bị gián đoạn.** Chúng tôi đánh giá, hiện tại KSB đã gia tăng nguồn vốn đáng kể từ cả việc thu tiền trước các DN thuê đất cũng như gia tăng vay vốn ngân hàng và huy động trái phiếu nhằm đẩy nhanh công tác đền bù diện tích đất còn lại (khoảng hơn 18.7 ha). Dự kiến sẽ hoàn thành công tác đền bù trong năm 2024.



## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – LỢI THẾ CẠNH TRANH

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn.
- Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

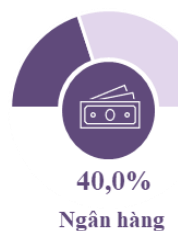
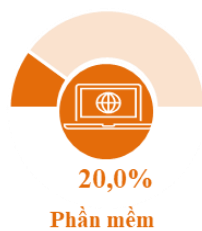
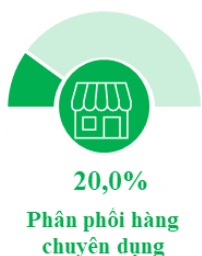
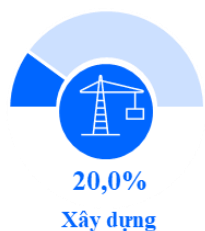
### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 17/03/2023):

Danh mục	<b>-0,8%</b>	<b>4,3%</b>	<b>-3,7%</b>	<b>26,0%</b>
	1-week return	1-month return	YTD-return	2-year return
VN-Index	<b>-0,7%</b>	<b>-0,3%</b>	<b>0,1%</b>	<b>-10,1%</b>

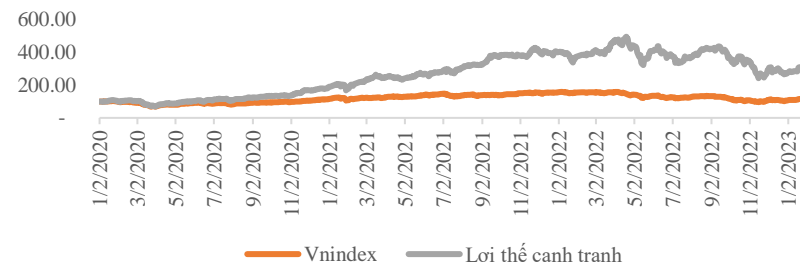
### Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	EPS	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	Nợ vay/TTS	Cổ tức tiền mặt	KLGD 6T	P/E	P/B
CTR	33,2%	3.941	27,1%	8,7%	11%	1.000	518.175	13,6x	4,1x
DGW	72,9%	5.279	29,4%	9,9%	36%	1.000	877.777	11,2x	4,3x
FPT	13,7%	4.799	20,6%	9,5%	33%	1.000	2.228.554	15,4x	4,1x
MBB	44,0%	3.876	21,9%	2,2%	-	0	10.762.209	4,6x	1,1x
VCB	27,6%	5.582	23,2%	1,6%	-	0	1.189.441	13,2x	2,7x

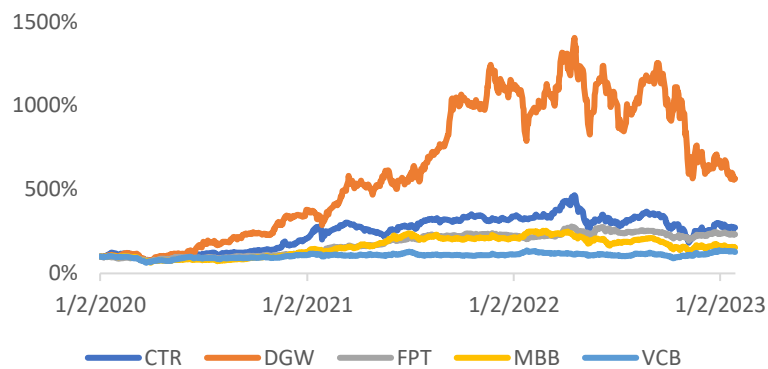
### Cơ cấu DM theo ngành



### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
CTR	10	10	20	20	20
DGW	10	15	20	30	40
FPT	10	15	20	20	20
MBB	30	25	20	15	10
VCB	35	35	20	15	10
	<b>215</b>	<b>238</b>	<b>279</b>	<b>324</b>	<b>369</b>

Hiệu quả sinh lời của DM

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – HANG TRÁNH BẢO

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận an toàn & ổn định trước rủi ro thị trường.
- Chiến lược đầu tư an toàn trước biến động từ thị trường.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp trong nhóm phòng thủ (bảo hiểm, điện, nước, tiêu dùng thiết yếu), có lịch sử chi trả cổ tức cao và đều, đi kèm với rủi ro biến động giá thấp.

### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 17/03/2023):

Danh mục	<b>-1.2%</b>	<b>-3.4%</b>	<b>-6.1%</b>	<b>26.3%</b>
	1-week return	1-month return	YTD-return	2-year return
VN-Index	<b>-0,7%</b>	<b>-0,3%</b>	<b>0,1%</b>	<b>-10,1%</b>

### Cấu thành danh mục

Mã CK	Cổ tức tiền mặt	EPS	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	Nợ vay/TTS	KLGD 6T	P/E	P/B
BWE	1.200	4.246	35,3%	17%	6,5%	41%	267.050	10,4x	2,0x
GAS	3.000	7.058	4,5%	21%	15,7%	11%	789.627	15,6x	3,7x
REE	1.000	7.773	49,6%	16%	9,0%	35%	1.172.083	9,7x	1,8x
VEA	4.493	5.244	35,3%	27%	24,0%	1%	193.594	7,6x	2,3x
VNM	1.500	4.232	-2,9%	34%	23,0%	19%	2.285.375	18,5x	5,3x

### Cơ cấu DM theo ngành



20,0%  
Nước



20,0%  
Phân phối xăng dầu & khí đốt

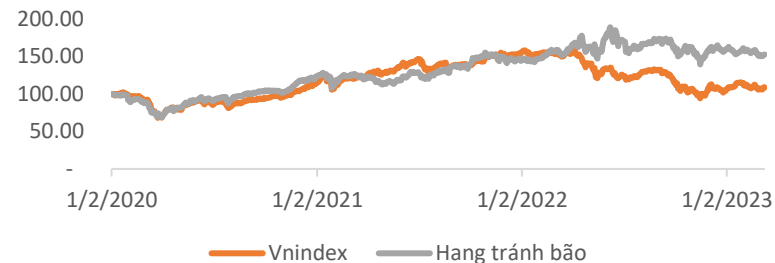


40,0%  
Máy công nghiệp

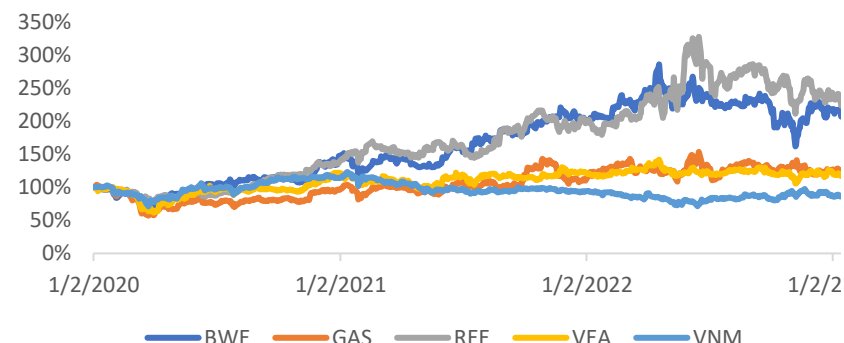


20,0%  
Thực phẩm

### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BWE	10	20	20	25	30
GAS	15	20	20	20	15
REE	15	15	20	30	35
VEA	25	20	20	20	15
VNM	35	30	20	5	5
	<b>132</b>	<b>141</b>	<b>151</b>	<b>170</b>	<b>180</b>

Hiệu quả sinh lời của DM



## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BIS (TÀI CHÍNH)

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán) có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

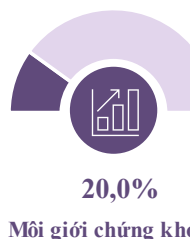
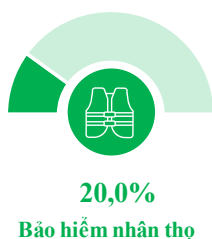
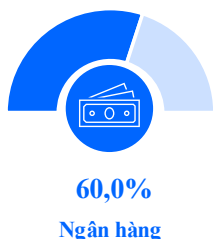
### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 17/03/2023):

Danh mục	0,7%	2,9%	4,4%	44,3%
	1-week return	1-month return	YTD-return	2-year return
VN-Index	-0,7%	-0,3%	0,1%	-10,1%

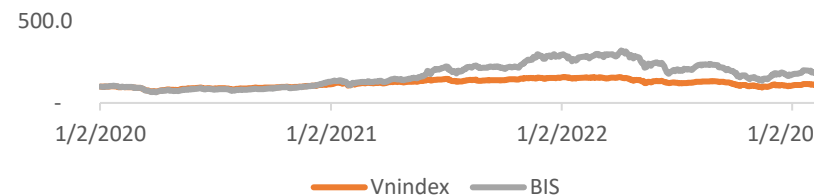
### Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	TB NIM 5 năm	TB CIR 5 năm	LLR	NPL	KLGD 6T	P/B
BID	41,3%	13,5%	0,6%	2,7%	-33,9%	-214,0%	1,0%	1.525.120	1,8x
BVH	3,5%	7,7%	1,1%	0,0%	-	-	-	1.363.746	1,7x
MBB	44,0%	21,9%	2,2%	5,0%	-38,0%	-208,0%	1,0%	10.762.209	1,1x
VCB	27,6%	23,2%	1,6%	3,1%	-34,2%	-402,0%	1,0%	1.189.441	2,7x
VND	43,5%	19,5%	5,4%	0,0%	-	-	-	19.408.929	1,0x

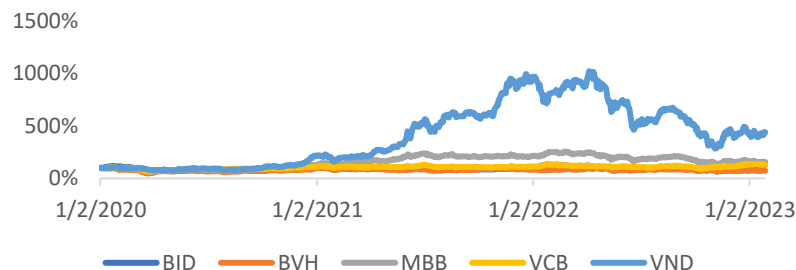
### Cơ cấu DM theo ngành



### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BID	5	10	20	15	10
BVH	35	30	20	10	10
MBB	15	15	20	30	35
VCB	35	30	20	10	10
VND	10	15	20	35	40
	<b>140</b>	<b>156</b>	<b>176</b>	<b>224</b>	<b>234</b>

Hiệu quả sinh lời của DM

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BSS (NGÂN HÀNG – CHỨNG KHOÁN – THÉP)

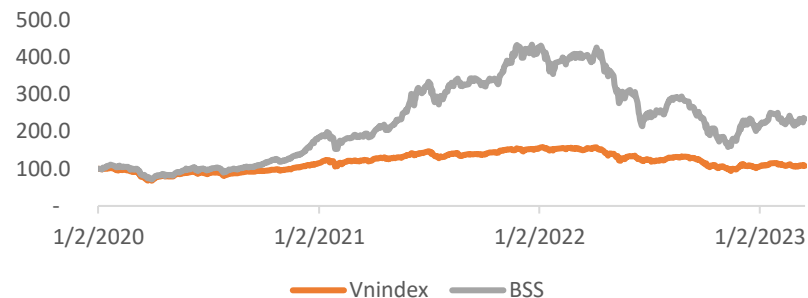
### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán & Thép, có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 17/03/2023):

Danh mục	0,7%	4,1%	5,8%	26,6%
	1-week return	1-month return	YTD-return	2-year return
VN-Index	-0,7%	-0,3%	0,1%	-10,1%

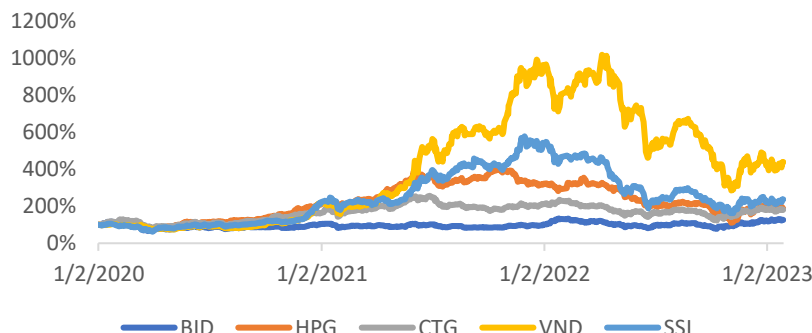
### Hiệu quả đầu tư



### Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	TB NIM 5 năm	TB CIR 5 năm	LLR	NPL	P/E	P/B
BID	41,3%	13,5%	0,6%	2,7%	-33,9%	-214,0%	1,0%	11,0x	1,8x
CTG	26,9%	13,9%	0,9%	2,7%	-36,8%	-222,0%	1,0%	7,4x	1,1x
HPG	19,4%	26,0%	12,9%	-	-	-	-	5,0x	0,9x
SSI	17,9%	14,9%	5,0%	-	-	-	-	7,7x	1,1x
VND	43,5%	19,5%	5,4%	-	-	-	-	5,8x	1,0x

### Biến động giá các mã CP trong DM



### Cơ cấu DM theo ngành



40,0%

Ngân hàng



20,0%

Thép và sản phẩm thép



40,0%

Môi giới chứng khoán

### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BID	30	25	20	10	5
HPG	35	25	20	10	10
CTG	15	25	20	15	10
VND	10	15	20	35	40
SSI	10	10	20	30	35
	<b>190</b>	<b>203</b>	<b>220</b>	<b>261</b>	<b>277</b>

Hiệu quả sinh lời của DM

### MBS RESEARCH UPDATES

Mã	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Link báo cáo	Ngày báo cáo
DCM	NẮM GIỮ	VND 24.100	<a href="#">Link</a>	13/03/2023
KSB	MUA	VND 35.400	<a href="#">Link</a>	14/03/2023
REE	MUA	VND 84.000	<a href="#">Link</a>	03/03/2023
EIB	KÉM KHẢ QUAN	VND 20.500	<a href="#">Link</a>	03/02/2023
VNM	MUA	VND 89.900	<a href="#">Link</a>	20/02/2023
PVD	NẮM GIỮ	VND 22.200	<a href="#">Link</a>	14/02/2023
BSR	MUA	VND 21.800	<a href="#">Link</a>	09/02/2023
PNJ	NẮM GIỮ	VND 92.200	<a href="#">Link</a>	28/12/2022

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền năm 2022 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.